Biểu A1.1

XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024
(Dành cho trường THPT công lập không có lớp chuyên và trường công lập tự chủ)

TRƯỜNG THPT ĐỐNG ĐA

Địa chỉ : Số 10, ngõ Quan Thổ 1, Hàng Bột, Đồng Đa, Hà Nội

Điện thoại liên hệ : 0904162646

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	**Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV** (có mặt 01/01/2022). *Chia ra* :	Người			
	- Cán bộ quản lý	Người	3	3	3
	- Giáo viên	Người	89	89	89
	Trong đó: - Biên chế	Người	*89*	*89*	*89*
	- Hợp đồng	Người		*3*	
	- Công nhân viên	Người	10	10	10
	Trong đó: - Biên chế	Người	7	7	7
	- Hợp đồng	Người	3	3	3
2	**Tổng số lớp**	Lớp			
	Chia ra: Lớp 10	*Lớp*	15	15	15
	Lớp 11	*Lớp*	15	15	15
	Lớp 12	*Lớp*	15	15	15
3	**Tổng số học sinh**	Học sinh			
	Chia ra: Lớp 10	*Học sinh*	675	687	675
	Lớp 11	*Học sinh*	656	656	683
	Lớp 12	*Học sinh*	639	639	656

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỐNG ĐA

HIỆU TRƯỞNG

Biểu A1.2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

TRƯỜNG THPT ĐỐNG ĐA

A. Tình hình cơ sở vật chất:

- Tổng diện tích đất: 7.200 m^2
- Tổng diện tích sử dụng: 11.786 m^2
- Tổng diện tích sân chơi: 2.450 m^2
- Số Sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: 058867

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	*Chia ra*		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	26	26	0	0

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn *(ghi rõ nội dung chưa đạt)*
1. Phòng TH Vật lý	01	54	x	
Phòng chuẩn bị TH	01	27	x	
2. Phòng TH Hóa học	01	54	x	
Phòng chuẩn bị TH	01	27	x	
3. Phòng TH Sinh học	01	54	x	
Phòng chuẩn bị TH	01	27	x	
4. Công nghệ	0			
Phòng chuẩn bị TH	0			
5. Ngoại ngữ	0			
6. Tin học	02	128	x	
7. Phòng đa năng	01	80	x	
8. Thư viện	01		x	
Số lượng sách, tài liệu tham khảo	1295	70	x	
9. Nhà thể chất	01	420	x	
10. Phòng Y tế	01	24	x	

3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: 16 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn 16 Chưa đạt chuẩn 0

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: 6 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn 6 Chưa đạt chuẩn 0

B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh	700	648	
+ Loại 2 chỗ ngồi	700	648	
+ Loại 4 chỗ ngồi	0	0	
2. Bàn ghế giáo viên	40	32	
3. Bảng	40	40	
Trong đó: *Bảng thông minh*	0	0	
4. Máy vi tính	70	70	
Chia ra: *+ Dùng cho HS*	48	48	
+ Dùng cho Quản lý	22	22	
+ Kết nối Internet	70	70	
5. Số máy in	14	14	
6. Máy chiếu Projecter	08	08	
7. Máy photocopy	02	02	
8. Khác			
Tivi	06	03	
Đầu DVD			
Đài caset	10	06	
Máy quét	01	01	

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu **Hiệu trưởng**

Nguyễn Lệ Thủy

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỐNG ĐA

Trần Thị Bích Hợp